

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ
trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai (thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý xây dựng Nghị quyết

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Trong thời gian qua, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành các chính sách hỗ trợ liên quan đến đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ và hoạt động khoa học, công nghệ, cụ thể: Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND), Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 quy định về nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, hồ sơ và mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND).

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Việc này tạo cơ sở để tiếp tục áp dụng các chính sách phù hợp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ trên địa bàn sau sắp xếp.

Các Nghị quyết nêu trên được xây dựng dựa trên nền tảng của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14. Hiện nay, Quốc hội đã ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, thay thế Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 sửa đổi Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; Chính phủ đã ban hành các Nghị định mới hướng dẫn thi hành các Luật mới ban hành và cùng với đó, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã ban hành các Thông tư mới quy định về trình tự, thủ tục quản lý triển khai nhiệm vụ. Đồng thời, các chính sách nêu trên được ban hành ở những thời điểm khác nhau, với phạm vi, đối tượng, nội dung và cách thức hỗ trợ khác nhau. Một số nội dung có tính chất tương đồng, giao thoa về đối tượng và hoạt động được hỗ trợ; trong khi yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện nay đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là yêu cầu thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng và làm chủ công nghệ, phát triển công nghệ mới, hoàn thiện kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và kết nối công nghệ với thị trường.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, tài chính và ngân sách nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc huy động và sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do đó, cần rà soát, cập nhật chính sách của thành phố bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố. Việc ban hành Nghị quyết mới là cần thiết nhằm:

- Thống nhất và hoàn thiện chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai trên cơ sở kế thừa các nội dung phù hợp của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND;

- Khắc phục sự phân tán, giao thoa giữa các chính sách hiện hành, tạo một khung chính sách thống nhất, rõ ràng về đối tượng, nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và hồ sơ thực hiện;

- Cập nhật các nội dung hỗ trợ phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố, tập trung vào các hoạt động có tác động trực tiếp đến quá trình đổi mới công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp và hợp tác xã;

- Tạo cơ sở pháp lý để hỗ trợ xuyên suốt quá trình từ chuyển giao công nghệ, hoàn thiện kết quả nghiên cứu, nghiên cứu - ứng dụng - làm chủ công nghệ, sản xuất thử nghiệm đến đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và giới thiệu, kết nối công nghệ với thị trường;

- Bảo đảm việc sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, có trọng tâm, trọng điểm, hỗ trợ các khoản chi trực tiếp phục vụ hoạt động đổi mới công nghệ, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố;

- Thực hiện thống nhất chính sách trên phạm vi thành phố Đồng Nai sau sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm tính liên tục, đồng bộ và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

Căn cứ điểm b và điểm d khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định:

“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;

d) Văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực trong phạm vi địa giới của đơn vị hành chính trước khi được thành lập, giải thể, chia, nhập đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thì tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi địa giới đó, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bởi văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: “1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc

và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này”.

Từ các căn cứ trên và quy định tại khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, để kịp thời hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố, việc xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND là cần thiết, nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

b) Thẩm quyền ban hành Nghị quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết đề quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

Đồng thời, căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Nghị quyết này là cần thiết và hoàn toàn đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Cập nhật, thể chế hóa kịp thời các quy định mới của Trung ương và điều chỉnh danh xưng phù hợp với quy mô của thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Quy định cụ thể, chi tiết về nguyên tắc, nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ đổi mới công nghệ (bao gồm các hoạt động ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao, hoàn thiện, làm chủ và đổi mới công nghệ) cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... có nguồn vốn trong nước hoạt động trên địa bàn thành phố Đồng Nai nhằm thực thi văn bản pháp luật do cấp trên giao đề áp dụng

tại địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Chính sách được xây dựng theo hướng hỗ trợ trực tiếp vào các hoạt động và khoản chi cần thiết cho quá trình đổi mới công nghệ, từ chuyển giao công nghệ, hoàn thiện kết quả nghiên cứu, nghiên cứu - ứng dụng - làm chủ công nghệ, sản xuất thử nghiệm đến đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và kết nối công nghệ với thị trường.

- Bảo đảm rõ ràng về đối tượng, nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ, hồ sơ và phương thức hỗ trợ; hạn chế thủ tục không cần thiết, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận chính sách.

- Việc hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung được hỗ trợ, trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa được quy định; không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước và không làm thay thế trách nhiệm tự đầu tư, tự chịu trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Bảo đảm khả năng cân đối, bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước; gắn chính sách hỗ trợ với kết quả, hiệu quả thực tế của hoạt động đổi mới công nghệ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 01/6/2026, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản số 1138/SKHCHN-KHCN gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định Tờ trình đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ.

Ngày 02/6/2026, Sở Tư pháp có văn bản số 838/STP-XDPBPL về việc có ý kiến đối với đề xuất đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai (lần 2), trong đó có yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến Sở Tài chính về làm rõ các giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp khả năng cân đối ngân sách để tham mưu UBND thành phố theo quy định.

Ngày 18/6/2026, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản số 1942/SKHCHN-KHCN gửi Sở Tài chính lấy ý kiến về Tờ trình đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại văn bản số 4326/STC-VP ngày 16/7/2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình nêu trên.

Ngày 22/7/2026, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Tờ trình số 133/TTr-SKHCHN về việc Đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Đến ngày 27/8/2026, UBND thành phố ban hành Tờ trình số 167/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai. HĐND thành phố có Công văn số 366/HĐND-VP ngày 29/8/2026 về việc thống nhất việc đăng ký xây dựng Nghị quyết nêu trên.

Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Nghị quyết đề lấy ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các Sở, ban, ngành thành phố; UBND các xã, phường. Đồng thời Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Báo và Phát thanh và Truyền hình thành phố đăng tải toàn văn dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của thành phố thời gian 10 ngày (tại Công văn số .../SKHCN-DMST ngày .../9/2026), để tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn chỉnh dự thảo.

Sở Khoa học và Công nghệ có Công văn số .../SKHCN-KHCN ngày .../.../2026 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố và được Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết (tại Công văn số .../STP-.... ngày .../.../2026), qua đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Ngày .../.../2026, UBND thành phố tổ chức cuộc họp thông qua thành viên UBND thành phố. Tại cuộc họp, các thành viên UBND thành phố đã thảo luận tập thể và biểu quyết thông qua việc trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ đổi mới công nghệ (bao gồm các hoạt động ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao, hoàn thiện, làm chủ và đổi mới công nghệ) cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... có nguồn vốn trong nước hoạt động trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... trong nước được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

b) Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định của pháp luật;

c) Không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... có vốn đầu tư nước ngoài.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng gồm 06 Điều, được bố cục như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ.

Điều 3. Nội dung, điều kiện, mức chi và hình thức hỗ trợ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

2.1. Hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố.

b) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ chi phí môi giới chuyển giao công nghệ; tư vấn pháp lý phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ; tư vấn chuyển giao công nghệ; đánh giá công nghệ; định giá công nghệ; tư vấn lập, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Công nghệ chuyển giao không thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao; trường hợp công nghệ hạn chế chuyển giao phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

- Hoạt động chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- Có hợp đồng chuyển giao công nghệ và thực hiện đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp pháp luật quy định phải đăng ký;

- Nội dung đề nghị hỗ trợ được thực hiện thực tế và có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

d) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b khoản này; mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/đối tượng.

đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ.

2.2. Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu và thực hiện hoạt động hoàn thiện, phát triển kết quả để ứng dụng hoặc thương mại hóa.

b) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ chi phí hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoàn thiện, phát triển quy trình công nghệ; thử nghiệm trực tiếp phục vụ việc hoàn thiện, phát triển kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định;

- Kết quả có khả năng tiếp tục hoàn thiện, phát triển để ứng dụng hoặc thương mại hóa;

- Đối tượng đề nghị hỗ trợ có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp và quyền tiếp tục hoàn thiện, phát triển kết quả;

- Có dự án hoàn thiện, phát triển, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí và kết quả dự kiến;

- Có khả năng bảo đảm phần kinh phí còn lại để thực hiện dự án hoặc phương án.

d) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung được hỗ trợ; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ.

2.3. Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ và sản xuất thử nghiệm

a) Đối tượng hỗ trợ:

Doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thực hiện dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Chi phí thuê chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện trực tiếp nội dung nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ;

- Chi phí thuê dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và đánh giá công nghệ;

- Chi phí vật tư, nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất thử nghiệm;

- Chi phí thử nghiệm, kiểm định, đánh giá kết quả trực tiếp phục vụ dự án;

- Chi phí sản xuất thử nghiệm sản phẩm hoặc quy trình công nghệ hình thành từ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ.

Các hoạt động hỗ trợ tập trung vào công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng và các công nghệ khác có khả năng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, năng suất lao động, chất lượng hoặc hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Công nghệ, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ thuộc phạm vi hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này;

- Có dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí và kết quả dự kiến;

- Dự án có khả năng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, năng suất lao động, chất lượng hoặc hiệu quả sản xuất, kinh doanh;

- Có năng lực tổ chức thực hiện và bảo đảm phần kinh phí còn lại của dự án;

- Đối với hoạt động sản xuất thử nghiệm, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ phải được hình thành từ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng hoặc làm chủ công nghệ của dự án.

d) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại điểm b khoản này; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án.

đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ.

2.4. Hỗ trợ đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thực hiện đầu tư công nghệ, đổi mới công nghệ hoặc ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Nội dung hỗ trợ

- Chi phí mua máy móc, thiết bị công nghệ trực tiếp phục vụ hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ;

- Chi phí mua, tiếp nhận dây chuyền công nghệ;

- Chi phí lắp đặt, tích hợp, hiệu chỉnh máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ thuộc dự án;

- Chi phí mua, lắp đặt thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm soát chất lượng trực tiếp phục vụ hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ;

- Chi phí thử nghiệm, kiểm định, đánh giá trực tiếp để đưa máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ vào vận hành.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Có dự án hoặc phương án đầu tư, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, công nghệ, máy móc, thiết bị, tiến độ, kinh phí và hiệu quả dự kiến;

- Công nghệ, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn và bảo vệ môi trường;

- Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Việc đầu tư, đổi mới công nghệ có khả năng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm phát thải hoặc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh;

- Có năng lực tổ chức thực hiện và bảo đảm phần kinh phí còn lại của dự án.

d) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại điểm b khoản này; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án/năm.

đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ.

2.5. Hỗ trợ giới thiệu, kết nối công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này có công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần giới thiệu, trình diễn, kết nối và phát triển thị trường.

b) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ chi phí thuê gian hàng, không gian trưng bày, giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu; tham gia sự kiện trong trường hợp chương trình, ban tổ chức có quy định thu phí tham dự đối với hoạt động giới thiệu, trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu; vận chuyển, lắp đặt, trưng bày, trình diễn công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu phục vụ trực tiếp việc tham gia sự kiện.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung của sự kiện;

- Có công nghệ, thiết bị, sản phẩm hoặc kết quả nghiên cứu cụ thể để giới thiệu, trưng bày, trình diễn hoặc kết nối;

- Được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, chấp thuận hoặc xác nhận tham gia;

- Có kế hoạch tham gia, trong đó xác định nội dung, thời gian, địa điểm và dự kiến chi phí.

d) Mức hỗ trợ:

- Tối đa 30 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

- Tối đa 50 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức tại các tỉnh, thành phố khác trong nước;

- Tối đa 150 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức ở nước ngoài.

Mức hỗ trợ cụ thể căn cứ vào chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại điểm b khoản này và trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa nêu trên.

đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ.

VI. DỰ KIẾN ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chủ động bố trí nhân lực, tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động chuẩn bị các điều kiện về nhân sự, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm bảo đảm việc triển khai Nghị quyết được thống nhất, hiệu quả.

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm của thành phố Đồng Nai, được lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Ngoài ra, khuyến khích huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc triển khai Nghị quyết

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, quy định: *“Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước trong nguồn tổng chi tối thiểu 3% ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ”*; đồng thời được bố trí từ nguồn chi ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Việc sử dụng kinh phí thực hiện Nghị quyết phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung chi và trong phạm vi định mức được quy định; đồng thời phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua, ban hành

- Trình vào kỳ họp thường kỳ cuối năm 2026 của HĐND thành phố
- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Khoa học và Công nghệ

Trên đây là Dự thảo Tờ trình về Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: *Dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý*).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND thành phố;
- Ban Pháp chế - HĐND thành phố;
- Ban Văn hoá xã hội - HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT.